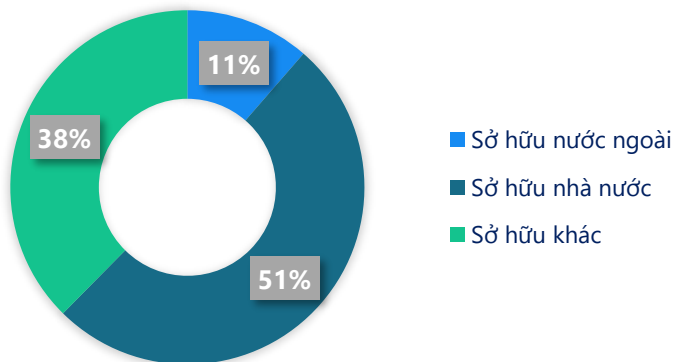


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		71,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		80,444
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		66,442
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,295
% sở hữu nước ngoài		11.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,876
P/E		10.5
EPS		6,869

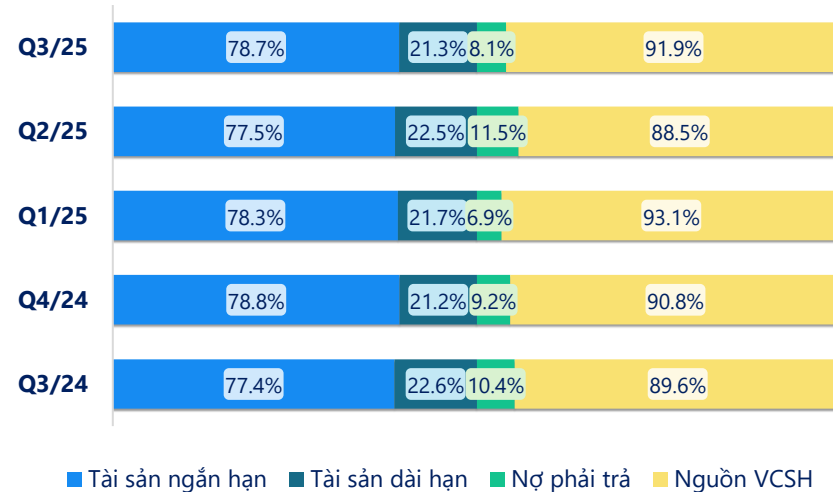
	YTD	1T	3T	6T
DVP	-4.9%	-1.5%	-5.6%	-5.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



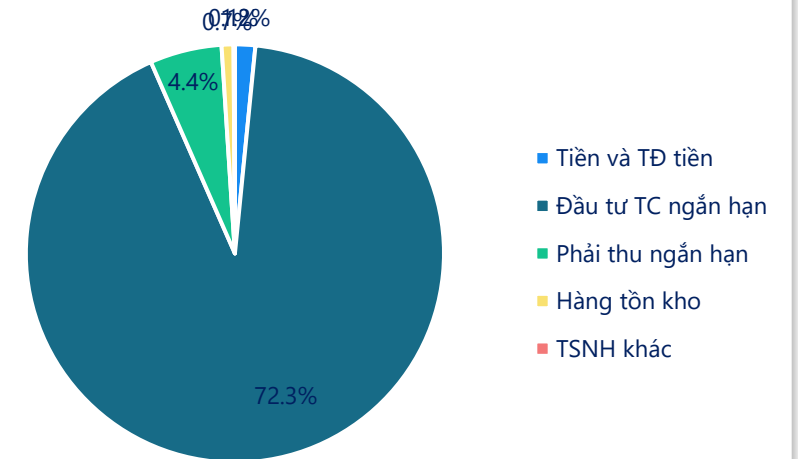
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

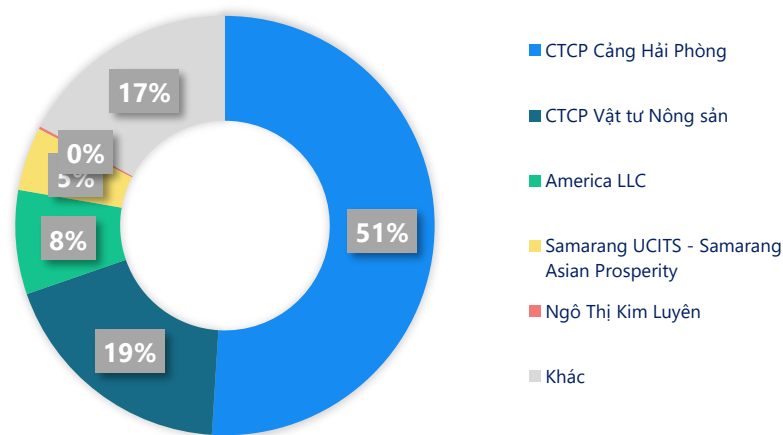
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q3/25

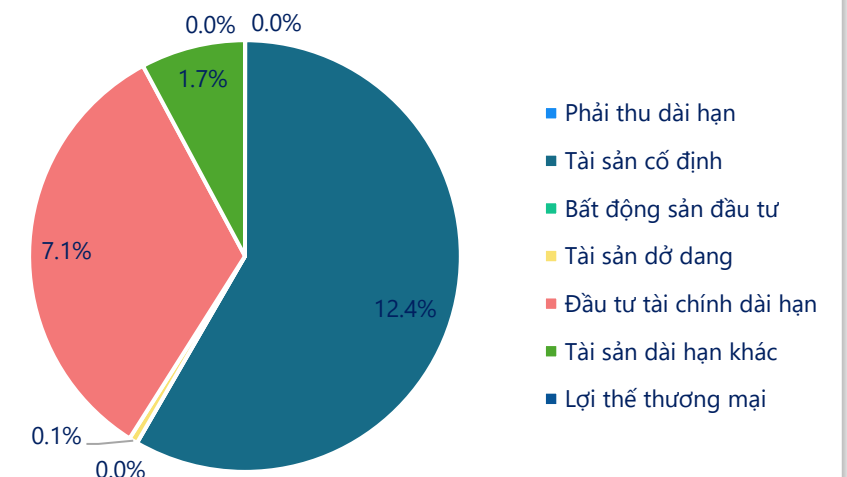
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



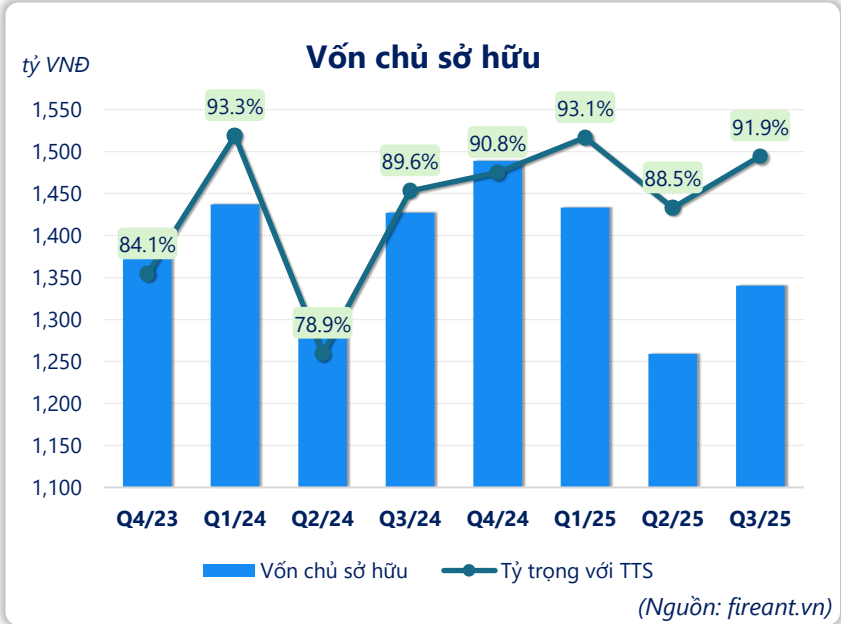
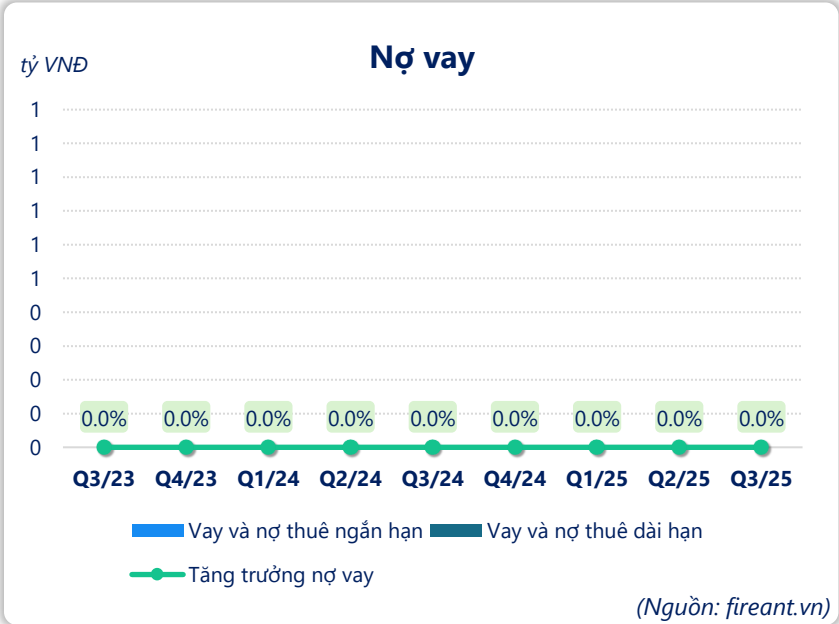
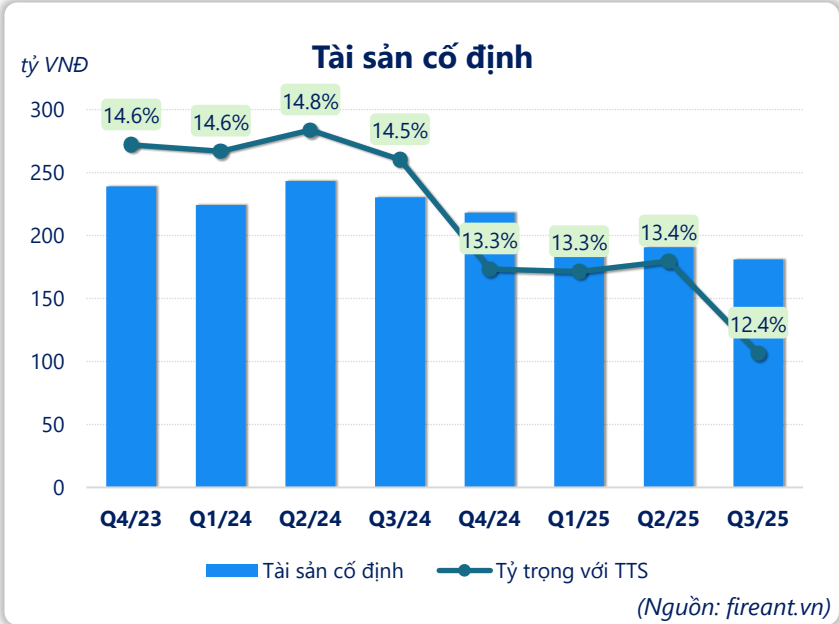
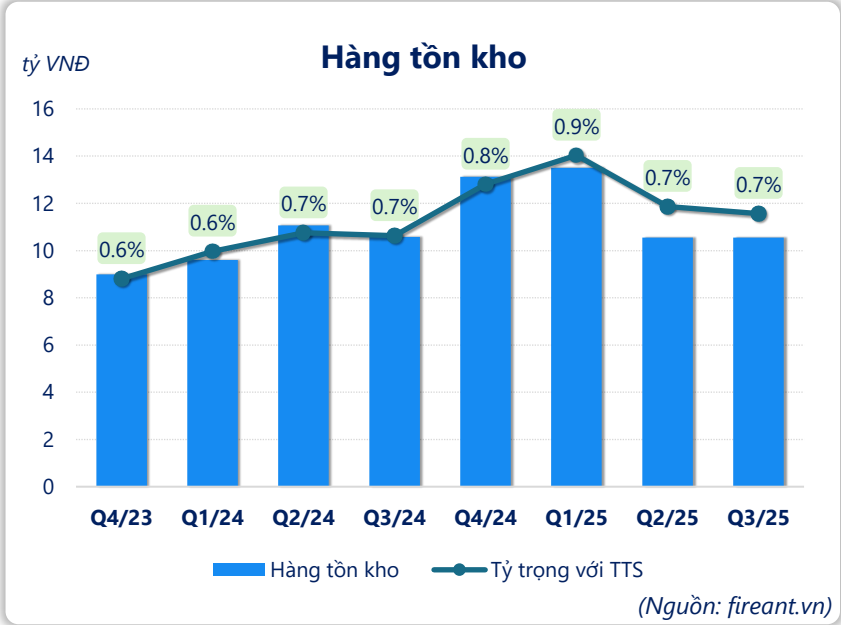
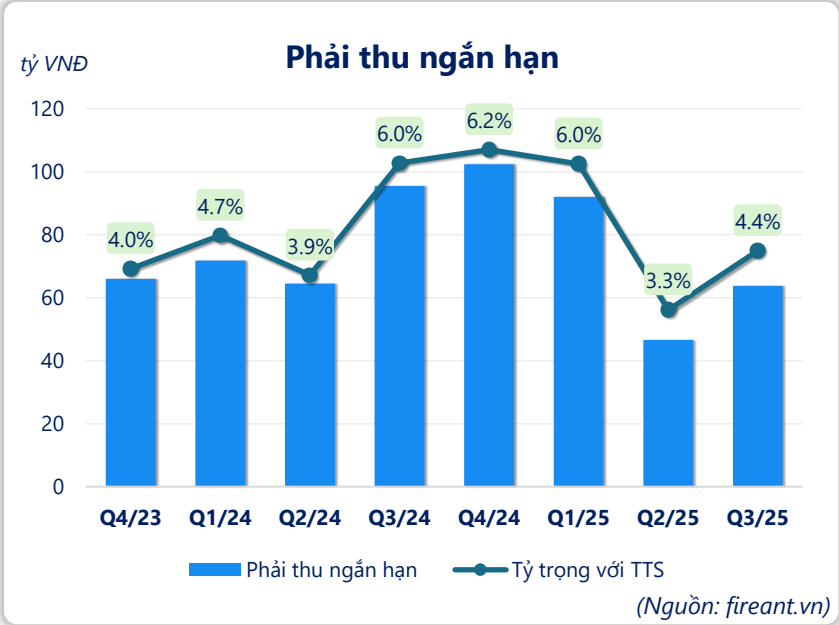
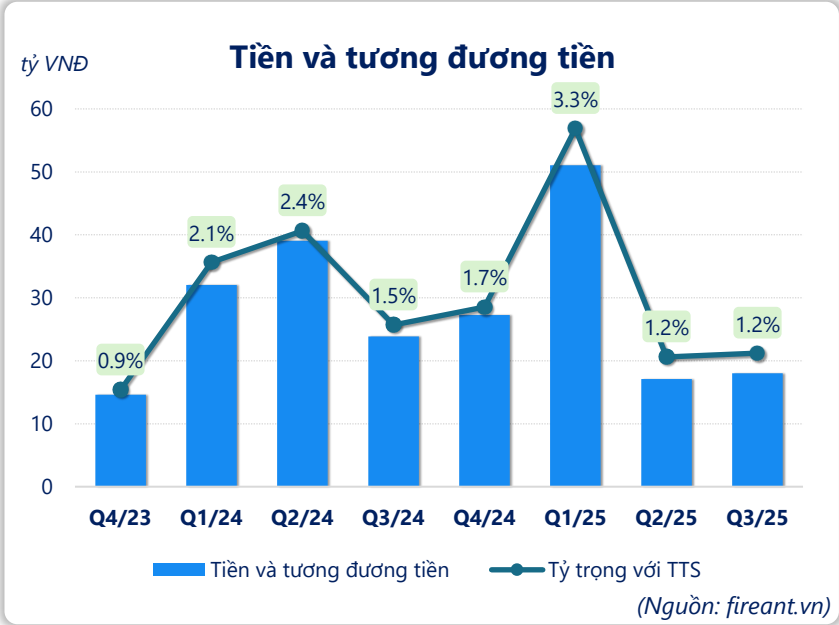
(Nguồn: fireant.vn)

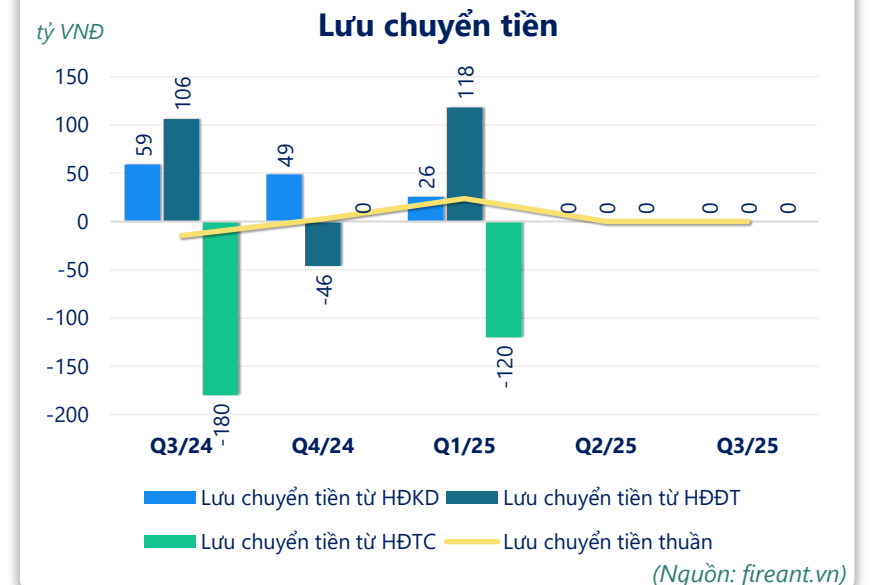
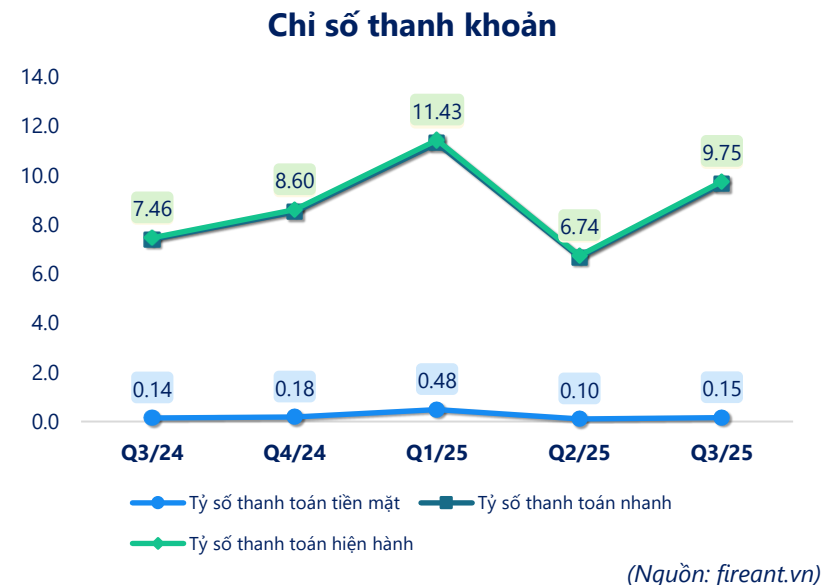
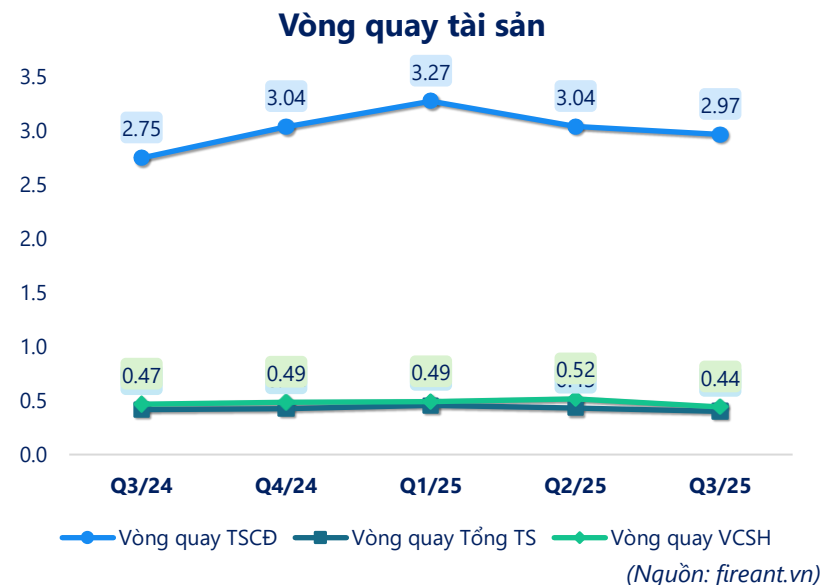
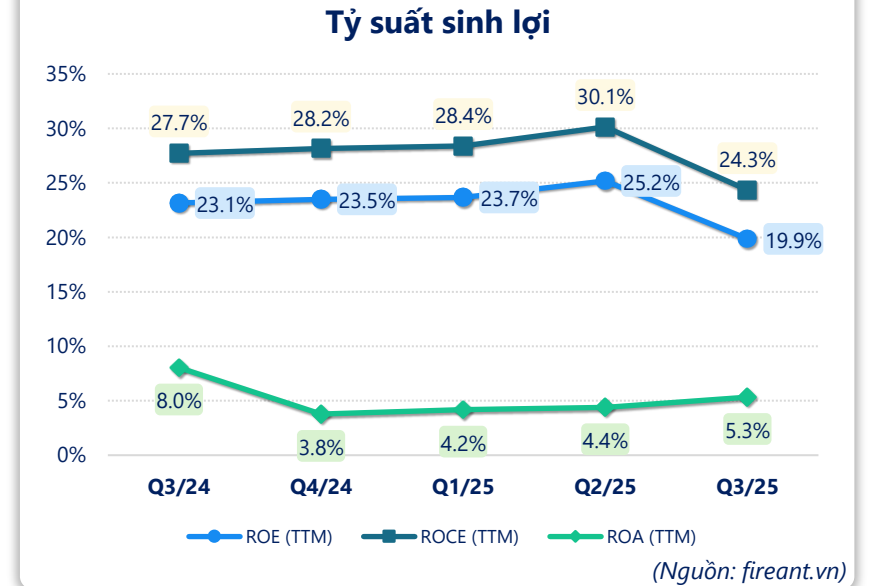
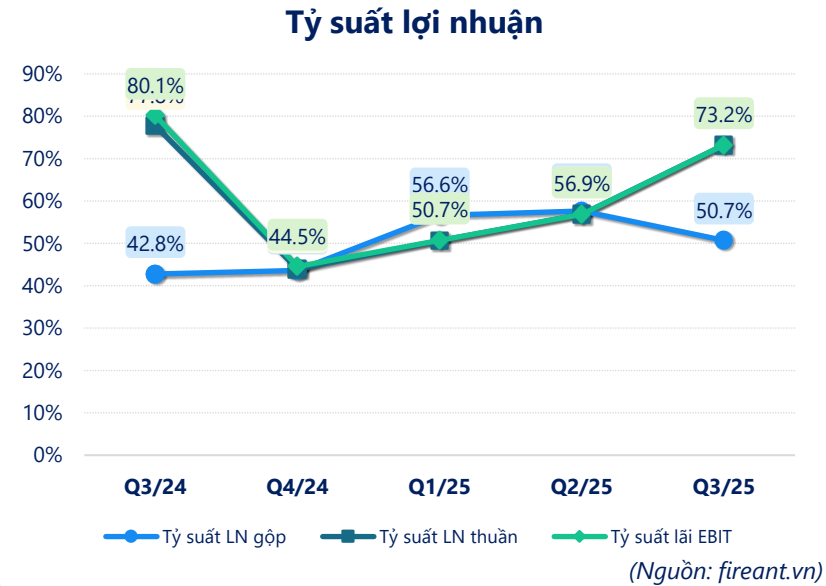
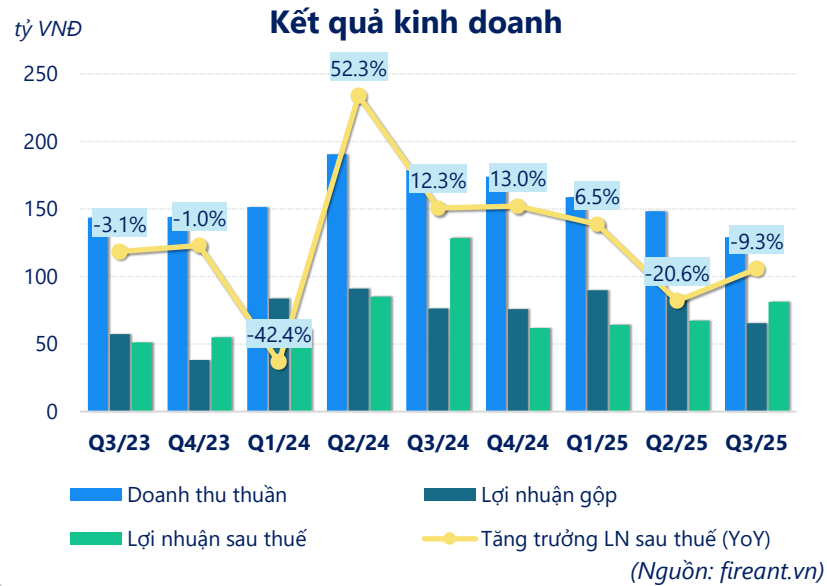
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,458	1,639	-11.0%
Tài sản ngắn hạn	1,148	1,292	-11.2%
Tiền và tương đương tiền	18.0	27.3	-33.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,054	1,147	-8.1%
Phải thu ngắn hạn	63.8	102	-37.7%
Hàng tồn kho	10.5	13.1	-19.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.22	1.99	-38.8%
Tài sản dài hạn	311	347	-10.6%
Phải thu dài hạn	0.07	0.09	-29.0%
Tài sản cố định	181	218	-17.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.99	1.14	74.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	0.0%
Tài sản dài hạn khác	24.3	24.9	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	118	150	-21.7%
Nợ ngắn hạn	118	150	-21.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.7	14.4	-26.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,340	1,489	-10.0%
Vốn chủ sở hữu	1,340	1,489	-10.0%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	179	174	159	148	129
Giá vốn hàng bán	102	98.1	68.8	62.8	63.7
Lợi nhuận gộp	76.4	75.8	89.9	85.4	65.5
Doanh thu HĐTC	82.5	26.1	6.17	10.6	43.7
Chi phí TC	0.02	0.00	0	0	0.01
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0.27	0.19
Chi phí QLDN	20.0	25.5	15.7	11.5	14.4
LN thuần từ HĐKD	139	76.4	80.4	84.3	94.6
Lợi nhuận khác	4.27	1.04	0.10	0.01	0.01
LN trước thuế	143	77.5	80.5	84.3	94.6
Lợi nhuận sau thuế	128	61.8	64.2	67.4	81.3
LNST của CĐ cty mẹ	128	61.8	64.2	67.4	81.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.1	48.9	25.6	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	106	-46.0	118	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-180	0	-120	0	0
Tiền đầu kỳ	39.0	23.8	27.3	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	-14.6	2.83	23.8	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.61	0.61	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	23.8	27.3	51.0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)